

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
TIẾNG TRUNG GIAO TIẾP 1

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Việt Nam Học

Năm 2020

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG TRUNG GIAO TIẾP 1
Ngành đào tạo: Việt Nam Học
Hệ đào tạo: Đại học

- Tên học phần: Tiếng Trung giao tiếp 1**
- Mã học phần: TTRUNG009**
- Số tín chỉ: 4(4,0)**
- Trình độ: Sinh viên đại học năm thứ 1 (kỳ I)**
- Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 60 tiết lý thuyết
 - Tự học: 120 giờ
- Điều kiện tiên quyết: Không**
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	lannguyen178@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Tiếng Trung 1 gồm 15 bài cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Ngữ âm: Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về tiếng Trung Quốc: cách phát âm của thanh mẫu và vận mẫu, cách đọc và đánh dấu thanh điệu, quy tắc biến điệu trong tiếng Hán, quy tắc phiên âm, các nét cơ bản và biến thể của chữ Hán, quy tắc viết chữ Hán.

- Bài đọc: Cung cấp những mẫu câu, cách nói thường dùng trong giao tiếp sinh hoạt hàng ngày với các chủ đề như: chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, học tập, đồ ăn, đồ uống, gia đình, những hoạt động hàng ngày, mua trái cây, nói về tiền tệ, miêu tả sự vật.

- Từ mới: Cung cấp nghĩa và từ loại của 150 - 200 từ vựng thông dụng nhất có trong nội dung bài đọc và bài tập.

- Ngữ pháp: Cung cấp cách dùng từ ngữ, cấu trúc câu và các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung bài học.

- Bài tập: Hệ thống các bài tập trong học phần được thiết kế từ đơn giản đến nâng cao để tập trung rèn luyện từ vựng, ngữ pháp đồng thời củng cố các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương ứng với nội dung từng bài.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê, phát âm chính xác và sử dụng đúng các từ vựng liên quan đến các chủ đề giao tiếp trong đời sống hàng ngày trong học phần: chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, học tập, đồ ăn, đồ uống, gia đình, những hoạt động hàng ngày, mua trái cây, nói về tiền tệ, miêu tả sự vật.	2	[1.2.1.1.b]
MT1.2	Trình bày đúng các cấu trúc ngữ pháp trong các chủ đề giao tiếp: cách dùng các từ “们, 也, 都, 在, 给, 几, 多少”, cách đọc số tự nhiên-mã số-giá tiền, câu hỏi dùng “吗”, câu hỏi dùng đại từ nghi vấn, câu hỏi chính phủ, câu chữ “是”, câu chữ “有”, câu vị ngữ chủ vị, câu vị ngữ động từ, câu vị ngữ hình dung từ...	3	[1.2.1.1.b]
MT1.3	Sử dụng thành thạo các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt các vấn đề có liên quan đến các chủ đề giao tiếp hàng ngày trong học phần bằng Tiếng Trung.	3	[1.2.1.1.b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nghe và đọc hiểu các thông tin chỉ dẫn, thông báo đơn giản, các cuộc	2	[1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	hội thoại giao tiếp đơn giản về các chủ đề trong học phần: chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, học tập, đồ ăn, đồ uống, gia đình, những hoạt động hàng ngày, mua trái cây, nói về tiền tệ, miêu tả sự vật.		
MT2.2	Vận dụng được từ vựng và ngữ pháp đã học để mô phỏng, thực hiện được hội thoại về các chủ đề giao tiếp trong học phần.	3	[1.2.2.4]
MT3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		

CĐR1.1	Xác định được các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu được dùng trong các tình huống giao tiếp hàng ngày với các chủ đề trong học phần: chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, học tập, đồ ăn, đồ uống, gia đình, những hoạt động hàng ngày, mua trái cây, nói về tiền tệ, miêu tả sự vật.	2	[2.1.5]
CĐR1.2	Có khả năng hiểu và sử dụng đúng các từ vựng, cụm từ và cấu trúc câu để diễn đạt quan điểm của mình về các vấn đề liên quan đến các chủ đề giao tiếp được học trong học phần.	3	[2.1.5]
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Nhận diện, mô phỏng được các chữ Hán, từ ngữ và mẫu câu cơ bản thông dụng nhất được sử dụng trong các chủ đề giao tiếp trong học phần: chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, học tập, đồ ăn, đồ uống, gia đình, những hoạt động hàng ngày, mua trái cây, nói về tiền tệ, miêu tả sự vật.	2	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp lưu loát tự nhiên bằng tiếng Trung với các chủ đề trong học phần.	3	[2.2.8]
CĐR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có thái độ tích cực trong học tập, tôn trọng môi trường học tập, nội quy của nhà trường, qui định của giảng viên và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Tuân thủ đúng văn hoá giao tiếp của người Trung Quốc trong thực hành các kỹ năng và biết gìn giữ văn hoá của Việt Nam trong giao tiếp hàng ngày và trong công việc.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CĐR1		CĐR2		CĐR3	
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2
1	第一课: 你好 一、课文 二、生词 三、语音	x	x	x	x	x	x

	<p>(一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 (四) 声调</p> <p>四、注释 (一) 汉语音节的组成 (二) 发音要领 (三) 书写规则 (四) 变调 (五) 声调 (六) 音节和汉字</p> <p>五、练习</p>						
2	<p>第二课：汉语不太难</p> <p>一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音</p> <p>四、注释 (一) 发音要领 (二) 轻声 (三) 半三声</p> <p>五、练习</p>	x	x	x	x	x	x
3	<p>第三课：明天见</p> <p>一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音</p> <p>四、注释 (一) 发音要领 (二) 书写规则 (三) “不”的变调</p> <p>五、练习</p>	x	x	x	x	x	x
4	<p>第四课：你去哪儿？</p> <p>一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母</p>	x	x	x	x	x	x

	(三) 拼音 四、注释 (一) 发音要领 (二) 韵母 (三) er 和儿化韵 (四) 书写规则 (五) 隔音符号 五、练习						
5	第五课：这是王老师 一、课文 二、生词 三、语音 (一) 声母 (二) 韵母 (三) 拼音 四、注释 (一) 发音要领 (二) 韵母 五、练习	x	x	x	x	x	x
6	第六课：我学习汉语 一、课文 二、生词 三、注释 (一) 中国人的姓名 (二) 贵姓 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x
7	第七课：你吃什么？ 一、课文 二、生词 三、注释：“一”的变调 四、练习	x	x	x	x	x	x
8	第八课：苹果一斤多少钱 一、课文 二、生词 三、注释 (一)吧 (二) 2+量词， 两+量词 四、语音 五、练习	x	x	x	x	x	x
9	第九课：我换人民币	x	x	x	x	x	x

	一、课文 二、生词 三、注释 (一) 先生、小姐 (二) 请等一会儿 四、语音 五、练习						
10	第十课：他住哪儿 一、课文 二、生词 三、注释 (一) 请问 (二) 你在家呢？ (三) 您 (四) “0” 四、语法 (一) 汉语句子的语序 (二) 动词谓语句 (三) 号码的读法 五、练习	X	X	X	X	X	X
11	第十一课：我们都是留学生 一、课文 二、生词 三、注释：我先介绍一下 四、语法 (一) 怎么问 (1)吗？ (二) 状语 (三) 副词“也”和“都” 五、语音 六、练习	X	X	X	X	X	X
12	第十二课：你在哪儿学习？ 一、课文 二、生词 三、语法 (一) 怎么问 (2) 疑问代词 (二) 定语和结构助词“的” (三) 介词“在”和“给” 四、语音 五、练习	X	X	X	X	X	X
13	第十三课：这是不是中药 一、课文	X	X	X	X	X	X

	二、生词 三、注释：这些一些药 四、语法 （一）形容词谓语句 （二）怎么问（3）正反问句 （三）“的”字词组 五、语音 六、练习						
14	第十四课：你的车是新的还是旧的？ 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）主语谓语句 （二）怎么问（4）：选择问句：…… 还是……？ （三）怎么问（5）：省略问句： “……呢？” 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x
15	第十五课：你们公司有多少职员 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 （一）“有”字句 （二）称数法 （三）询问数量“几”和“多少” （四）数量词组“数+量+名” 五、语音 六、练习	x	x	x	x	x	x

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong giờ học, Bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong giờ học, Bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Hoàn thành các bài tập thực hành từ vựng, ngữ pháp trong các

	giờ học, Bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
--	--

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu.	1 điểm	10%	
	- Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	10%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 Bài kiểm tra giữa học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 Bài thi kết thúc học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên là điểm đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học và mức độ hoàn thành bài tập trên lớp và giao về nhà.

- Điểm các bài tập thực hành từ vựng và ngữ pháp được đánh giá theo mức đúng sai, hình thức chữ viết.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Nghe và phán đoán đúng sai (theo tranh)
- + Nghe chọn đáp án đúng (A, B, C)
- + Chọn đáp án thích hợp
- + Nói động từ ở cột bên trái với tân ngữ ở cột bên phải
- + Sắp xếp thành câu
- + Dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Việt

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án của đề.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần (theo kế hoạch của phòng Đào tạo). Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được

phó bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng TT,KT&ĐBCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm ngay trên giấy thi theo quy định chung của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phần từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Nghe và phán đoán đúng sai (theo tranh)
- + Nghe chọn đáp án đúng (A, B, C)
- + Chọn đáp án thích hợp
- + Nói động từ ở cột bên trái với tân ngữ ở cột bên phải
- + Sắp xếp thành câu
- + Dịch sang tiếng Trung hoặc tiếng Việt

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

10. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và kích thích sinh viên giải quyết. Giảng viên phát âm mẫu từ mới, cụm từ; hướng dẫn sinh viên phát âm và giải thích nghĩa của từ mới. Giảng viên trình bày phân tích các cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp, đưa ra các hoạt động thực hành kiến thức tại lớp phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép bài và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Giao nhiệm vụ cụ thể về nhà, có kiểm tra đánh giá trực tiếp trên lớp hoặc qua địa chỉ g.mail của giảng viên, của lớp.

- Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ - Biết - Vận dụng - Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Trung trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Trung Hoa. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

11. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến chủ đề trong học phần: chào hỏi, hỏi thăm, giới thiệu bản thân, hỏi tên đồ vật, hỏi họ tên - quốc tịch - quê quán, hỏi địa điểm, học tập, đồ ăn, đồ uống, gia đình, những hoạt động hàng ngày, mua trái cây, nói về tiền tệ, miêu tả sự vật.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình và nhiệm vụ giảng viên yêu cầu có liên quan đến nội dung bài học.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học, ghi chép và tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài và làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

12. Tài liệu phục vụ học phần:

* Tài liệu bắt buộc:

[1] Trường Đại học Sao Đỏ: *Giáo trình Tiếng Trung giao tiếp 1*

* Tài liệu tham khảo:

[2] 姜丽萍, *HSK1*, 北京语言大学出版社, 2017 年

[3] Đạt Sĩ, *Giáo trình 301 câu đàm thoại tiếng Hoa - Tập 1*, Nhà xuất bản Thanh Niên, 2004

[4] Nguyễn Thu Hà, *Giáo trình Hán ngữ Boya - Tập 1*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015

[5] Website: <http://www.dantiengtrung.com>

<http://tienghoa.net>

13. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>第一课: 你好</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm đúng các vận mẫu và thanh mẫu trong bài. - Xác định được tên các thanh điệu và trình bày được cách đánh dấu thanh điệu. - Trình bày được quy tắc phiên âm, quy tắc biến điệu của tiếng Trung. - Xác định được tên nét cơ bản, nét biến thể và áp dụng quy tắc viết các nét để viết 	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 1 - 9 tài liệu [1]</p> <p>Trang 14 - 19 tài liệu [2]</p> <p>Trang 15-19 tài liệu [3]</p> <p>Trang 1 - 10 tài liệu [4]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 10 - 12 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	được chữ Hán. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				
2	第二课: 汉语不太难 Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài. - Nghe hiểu nội dung các đoạn hội thoại về chủ đề chào hỏi. - Thực hiện được hội thoại chào hỏi với bạn bè và người thân. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	4		[1] [2] [3] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 13 - 15 tài liệu [1] Trang 20 - 25 tài liệu [2] Trang 20 - 26 tài liệu [3] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5] - Hoàn thành bài tập Trang 16 - 18 tài liệu [1]
3	第三课: 明天见 Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài - Nghe hiểu nội dung các đoạn hội thoại chủ đề chào tạm biệt. - Thực hiện được hội thoại chào tạm biệt với bạn bè và người thân. Nội dung cụ thể:	4		[1] [2] [3] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 19 - 23 tài liệu [1] Trang 20 - 25 tài liệu [2] Trang 27 - 34 tài liệu [3] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5] - Hoàn thành bài tập Trang 24 - 27 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				
4	第四课: 你去哪儿? Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng về nơi chốn và các từ khác trong bài. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về nơi chốn. - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp về nơi chốn. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	4		[1] [3] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 28 - 33 tài liệu [1] Trang 20 - 25 tài liệu [3] Trang 27 - 30 tài liệu [4] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5] - Hoàn thành bài tập Trang 34 - 36 tài liệu [1]
5	第五课: 这是王老师 Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ tên đồ vật và các từ vựng khác trong bài. - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp tên đồ vật. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释	4		[1] [3] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 37 - 40 tài liệu [1] Trang 26 - 41 tài liệu [3] Trang 11 - 15, 22-27 TL [4] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5] - Hoàn thành bài tập Trang 41 - 44 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	五、练习				
6	<p>第六课: 我学习汉语</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ tên người, quốc gia và một số họ thường gặp ở Trung Quốc và Việt Nam và các từ vựng khác trong bài. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về chủ đề hỏi đáp về họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp. - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp họ tên, quốc tịch, nghề nghiệp. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习 	4		[1] [2] [3] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 46 - 51 tài liệu [1] Trang 26 - 41 tài liệu [2] Trang 35 - 41 tài liệu [3] Trang 16 - 21 tài liệu [4]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập Trang 51 - 55 tài liệu [1]</p>
7	<p>第七课: 你吃什么?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ tên món ăn và các từ vựng trong bài. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về chủ đề gọi món ăn ở nhà hàng. - Thực hiện được hội thoại chủ đề gọi món ăn ở nhà hàng. - Đọc lưu loát nội dung bài 	4		[1] [2] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 56 - 59 tài liệu [1] Trang 68 - 75 tài liệu [2]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập Trang 59 - 62 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	đọc và dịch nghĩa. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习				
8	Kiểm tra giữa học phần	2		[1]	-Ôn tập từ vựng, cấu trúc câu từ bài 1 đến bài 7 -Làm bài kiểm tra giữa học phần.
	第八课: 苹果一斤多少钱 Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ tên một số loại trái cây và các từ vựng trong bài. - Trình bày được cách nói giá tiền, cách dùng các mẫu câu hỏi đáp về mua trái cây. - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về chủ đề mua trái cây. - Thực hiện được hội thoại mua trái cây. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、语音 四、注释 五、练习	2		[1] [3] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 56 - 59 tài liệu [1] Trang 96 - 103 tài liệu [3] Trang 61 - 66 tài liệu [4] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5] - Hoàn thành bài tập Trang 66-69 tài liệu [1]
9	第九课: 我换人民币 Mục tiêu:	4		[1] [3]	- Đọc và tra từ điển: Trang 70 - 72 tài liệu [1]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>- Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ tên một số loại tiền của các nước và các từ vựng trong bài.</p> <p>- Nghe hiểu các đoạn hội thoại về chủ đề đổi tiền.</p> <p>- Thực hiện được hội thoại đổi tiền</p> <p>- Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、语音</p> <p>四、注释</p> <p>五、练习</p>			<p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>Trang 121 - 128 tài liệu [3]</p> <p>Trang 61 - 66 tài liệu [4]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 73 - 75 tài liệu [1]</p>
10	<p>第十课: 他住哪儿</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài.</p> <p>- Liệt kê tên và chức năng của các thành phần câu trong tiếng Hán.</p> <p>- Trình bày được cách đọc mã số, câu vị ngữ động từ</p> <p>- Thực hiện được hội thoại hỏi đáp địa chỉ nơi ở.</p> <p>- Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>一、课文</p> <p>二、生词</p> <p>三、注释</p> <p>四、语法</p> <p>五、语音</p>	4		<p>[1]</p> <p>[3]</p> <p>[5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 76 - 81 tài liệu [1]</p> <p>Trang 42 - 49 tài liệu [3]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 82 - 84 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	六、练习				
11	<p>第十一课: 我们都是留学生</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài. - Trình bày được cách dùng 也 và 都, câu hỏi dùng 吗 . - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp địa chỉ nơi ở. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习 	4		[1] [3] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 86 - 91 tài liệu [1]</p> <p>Trang 42 - 49 tài liệu [3]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 92 - 97 tài liệu [1]</p>
12	<p>第十二课: 你在哪儿学习?</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng trong bài. - Trình bày được định nghĩa, đặc điểm câu hỏi dùng đại từ nghi vấn; định ngữ và trợ từ kết cấu 的, cách dùng 在 và 给...” . - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp số điện thoại, địa chỉ nơi ở và học tập. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 	4		[1] [2] [3] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 98 - 103 tài liệu [1]</p> <p>Trang 34 - 41, 76-83 TL [2]</p> <p>Trang 42 - 49, 47 tài liệu [3]</p> <p>Trang 54 - 60 tài liệu [4]</p> <p>- Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập</p> <p>Trang 104 - 109 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习				
13	第十三课：这是不是中药 Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ tính chất, tên một số đồ dùng hàng ngày và các từ vựng trong bài. - Trình bày được định nghĩa, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ hình dung từ, câu nghi vấn chính phủ và cụm từ 的. - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp ở hải quan, kiểm tra đồ. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习	4		[1] [2] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 110 - 115 tài liệu [1] Trang 52 - 59 tài liệu [2] Trang 31 - 38 tài liệu [4] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5] - Hoàn thành bài tập Trang 116 - 123 tài liệu [1]
14	第十四课：你的车是新的还是旧的？ Mục tiêu: - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng chỉ màu sắc, kích thước, tính chất và các từ	4		[1] [3] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 124-129 TL[1] Trang 52-59 tài liệu [3] Trang 31-38 tài liệu [4] - Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến bài học TL [5]

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<p>vựng khác trong bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa, đặc điểm ngữ pháp của câu vị ngữ chủ vị, cách dùng cụm từ chữ 的, câu hỏi dùng 还是 và 呢....”. - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp về tìm đồ vật. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习 				<p>- Hoàn thành bài tập Trang 130-136 tài liệu [1]</p>
15	<p>第十五课：你们公司有多少职员</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm chuẩn và viết đúng các từ vựng về các thành viên trong gia đình và các từ vựng khác trong bài. - Trình bày được định nghĩa, đặc điểm ngữ pháp của câu chữ “有”, cụm từ số lượng; từ hỏi số lượng “几 và 多少” - Nghe hiểu các đoạn hội thoại về chủ đề gia đình. - Thực hiện được hội thoại hỏi đáp về gia đình. - Đọc lưu loát nội dung bài đọc và dịch nghĩa. 	4		<ul style="list-style-type: none"> [1] [2] [3] [4] [5] 	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trang 137 - 144 tài liệu [1] Trang 1 - 7 tài liệu [2] Trang 62 - 68 tài liệu [3] Trang 47-53, 67-72 TL [4] - Tìm tài liệu tham khảo có liên quan đến bài học TL [5] <p>- Hoàn thành bài tập Trang 145-151 tài liệu [1]</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	Nội dung cụ thể: 一、课文 二、生词 三、注释 四、语法 五、语音 六、练习				

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên